

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32 /2018/HC-PT**

Ngày 15 tháng 3 năm 2018

*V/v Yêu cầu hủy Quyết định giải
quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy
ban nhân dân huyện Đ.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Thanh Liêm

Ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 56/2017/TLPT-HC ngày 09 tháng 11 năm 2017 về “*Yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 28/2017/HC-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hoàng Quốc L, sinh năm 1940

Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Hoàng Quốc L ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1958, trú tại: thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (*theo giấy ủy quyền đề ngày 15/5/2017*) - Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 02, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thanh T, sinh năm 1971 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (*theo Quyết định ủy quyền số 1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2017*) - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn D và ông Vũ Văn L - Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hải N – Phó giám đốc phụ trách.

Địa chỉ: số 544 đường Q, thành phố Quảng Ngãi

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân P – nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi (*theo giấy ủy quyền đề ngày 11/7/2017*) - Có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã P.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn X, sinh năm 1973 – Chủ tịch Ủy ban.

Địa chỉ: Xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi- Có mặt.

- Ông Thiều Quang H, sinh năm 1950- Vắng mặt.

- Bà Tô Thị T1, sinh năm 1937- Vắng mặt.

- Ông Hoàng Quốc H1, sinh năm 1962 - Vắng mặt.

- Ông Võ Văn T2, sinh năm 1959- Vắng mặt.

- Bà Võ Thị S, sinh năm 1966- Vắng mặt.

- Bà Võ Thị Thanh M, sinh năm 1968 - Vắng mặt.

- Bà Võ Thị Thanh S1, sinh năm 1972 - Vắng mặt.

- Ông Võ Văn T3, sinh năm 1976 - Vắng mặt.

- Bà Võ Thị Thanh T4, sinh năm 1970 - Vắng mặt.

- Bà Tô Thị T1, ông Hoàng Quốc H1, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị S, bà Võ Thị Thanh M và bà Võ Thị Thanh S1 ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Thiều Quang H (*theo giấy ủy quyền đề ngày 17/5/2017*) - Vắng mặt.

Bà Võ Thị Thanh T4 ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Thiều Quang H (*theo giấy ủy quyền đề ngày 19/6/2017*) - Vắng mặt.

Ông Võ Văn T3 ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Thiều Quang H (*theo giấy ủy quyền đề ngày 11/7/2017*) - Vắng mặt.

- Ông Huỳnh Tấn L1, sinh năm 1954- Vắng mặt.

- Ông Võ M1, sinh năm 1947- Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi

- Ông Trần H2.

Địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/4/2017 và ngày 14/4/2017 của ông Hoàng Quốc L; các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông L, ông Nguyễn Chí Hoàng trình bày:

Ngày 27/3/1992 Ủy ban nhân dân huyện Đ ra Quyết định số 188/QĐ-UB thu hồi một phần thửa đất, có diện tích 9.516m², loại đất sông thuộc bộ địa chính xã P, huyện Đ để giao toàn bộ diện tích đất trên cho ông Huỳnh Tấn L1 và ông Võ M1 sử dụng làm hồ nuôi tôm với thời hạn là 15 năm. Ngày 02/11/1994, ông Huỳnh Tấn L1, ông Võ M1 đã chuyển nhượng diện tích hồ trên cho ông Hoàng Quốc L quản lý sử dụng. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Hoàng Quốc L cùng ông Thiều Quang H và ông Võ T5 (*vợ là bà Tô Thị T1*) và con trai là anh Hoàng Quốc H1 cùng hùn vốn để nuôi tôm chung. Quá trình sử dụng đất đúng mục đích, không có tranh chấp, sử dụng đến năm 2007 thì Ủy ban nhân dân xã P có thông báo thu hồi đất vì hết hạn sử dụng, thời điểm này việc nuôi tôm đã bắt đầu có lãi nên ông L không đồng ý với thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân xã P nhưng trước yêu cầu của địa phương ông L đã dọn toàn bộ tài sản trên đất, ngừng không nuôi tôm và tiếp tục trồng thêm cây bạch đàn trên bờ lô và thả cây sen trong hồ. Quá trình sử dụng đất ông L không đóng bất cứ một khoản tiền nào cho Nhà nước.

Việc Ủy ban nhân dân xã P thông báo cho ông L ngừng sử dụng đất với lý do hết thời hạn giao đất tại thời điểm năm 2007 là trái với Luật Đất đai hiện hành gây thiệt hại cho ông L, ông H, ông Tùng và anh H1. Từ ngày 21/8/2012 đến ngày 28/3/2013 ông Hoàng Quốc L có đơn khiếu nại Ủy ban nhân dân

huyện Đ về việc thu hồi diện tích đất hồ tôm của ông Hoàng Quốc L mà không bồi thường giá trị đất bị thu hồi cho ông L, ông L không khiếu nại yêu cầu bồi thường giá trị cây bạch đàn trồng trên đất. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 836/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đã căn cứ nhiều điều khoản luật không liên quan để áp dụng giải quyết, cho rằng ông L “*mua bán giấy tay*”, đất chưa được làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hết hạn sử dụng đất, nên không đủ điều kiện để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, nên đã bác khiếu nại của ông Hoàng Quốc L là trái với quy định pháp luật.

Ông Hoàng Quốc L yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P kiểm kê, áp giá bồi thường giá trị đất khi nhà nước thu hồi để thực hiện dự án “*nắn dòng, lên đê, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá*”.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 09/5/2017, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, đại diện theo ủy quyền ông Lê Thanh T trình bày:

Ngày 27/3/1992, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 188/QĐ-UB giao 9.516m² đất, loại đất sông thuộc tờ bản đồ số 04 xã P giao cho ông Huỳnh Tấn L1 và ông Võ M1 để làm hồ nuôi tôm, trong quyết định ghi rõ thời hạn giao đất là 15 năm kể từ ngày ban hành quyết định. Năm 1994, ông L1 và ông M1 chuyển nhượng phần diện tích đất được giao theo quyết định 188/QĐ-UB nêu trên cho ông Hoàng Quốc L sử dụng, việc chuyển nhượng giữa các ông M1, ông L1 với ông L, Ủy ban nhân dân huyện không biết. Năm 2007 Ủy ban nhân dân xã P được Ủy ban nhân dân huyện ủy quyền ra thông báo về thời hạn sử dụng đất theo Quyết định 188/QĐ-UB của ông L1, ông M1 đã hết. Cuối năm 2007 ông L dỡ dọn toàn bộ tài sản có trên đất (*gồm máy móc, quạt sục khí, ống nước, chòi canh...*) và không còn sử dụng đất nữa.

Việc giao đất cho ông Huỳnh Tấn L1 và ông Võ M1 để làm hồ nuôi tôm là đúng thẩm quyền, đúng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13, khoản 3 Điều 29 Luật đất đai năm 1987 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng. Pháp luật đất đai thời điểm này không quy định cụ thể thời hạn giao đất nói chung và thời hạn giao đất nuôi trồng thủy sản nói riêng.

Việc ông Hoàng Quốc L căn cứ Điều 67 Luật đất đai năm 2003 (*có quy định thời hạn giao đất nuôi trồng thủy sản là 20 năm*) để khiếu nại cho rằng, ông thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất trước ngày 15/10/1993 thì thời hạn giao đất được tính từ ngày 15/10/1993 nên đến năm 2012 thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, diện tích đất ông L nhận chuyển nhượng vẫn còn trong thời hạn được Ủy ban nhân dân huyện Đ giao đất, do đó ông đủ điều kiện được bồi thường giá trị đất. Chủ tịch Ủy ban khẳng định, từ năm 2007 đến năm 2012 ông Hoàng Quốc L, ông Huỳnh Tấn L1 và ông Võ M1 không phát sinh thủ tục đề nghị Nhà nước gia hạn thời hạn giao đất đã được quy định tại Điều 2 Quyết định số 188/QĐ-UB ngày 27/3/1992 và khoản 1 Điều 67 Luật

Đất đai năm 2003. Khi nhận chuyển nhượng ông L đã biết ông M1, ông L1 chỉ được Ủy ban nhân dân huyện Đ giao đất có thời hạn sử dụng là 15 năm. Với nhận thức đã hết thời hạn được sử dụng nên chính ông L đã dỡ dọn toàn bộ tài sản trên đất (*gồm máy móc, quạt sục khí, ống nước, chòi canh...*) và từ năm 2007 đến nay, ông không còn sử dụng đất nữa. Nhận thức của ông L cho rằng vẫn còn trong thời hạn được Ủy ban nhân dân huyện Đ giao đất, nên ông đủ điều kiện được bồi thường là không đúng chính sách của Nhà nước và không đúng quy định pháp luật, vì khoản 1 Điều 67 Luật đất đai năm 2003 chỉ xác định thời hạn giao đất từ ngày 15/10/1993 đối với trường hợp giao đất trước ngày 15/10/1993 mà trong quyết định giao đất không ghi rõ thời hạn giao đất, được hướng dẫn cụ thể tại Điều 33 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Ngày 16/3/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 836/QĐ-UBND, bác nội dung khiếu nại của ông Hoàng Quốc L đối với việc Ủy ban nhân dân huyện Đ khi thu hồi một phần của 03 thửa đất để thực hiện dự án tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa nhưng không bồi thường, hỗ trợ về đất. Ông Hoàng Quốc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ là không có sở, nên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ: Quyết định số 188/QĐ-UB ngày 27/3/1992 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đã ban hành đúng quy định của Luật Đất đai năm 1987, ông L cho rằng thời hạn sử dụng đất của ông phải là 20 năm theo quy định tại Điều 67 của Luật đất đai năm 2003 và khoản 3 Mục 1 Thông tư số 01/2005/TT – BTNMT là không chính xác, vì Quyết định 188/QĐ-UB đã quy định giao đất cho ông L1, ông M1 được sử dụng là 15 năm, các ông không có yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện gia hạn về thời hạn sử dụng đất, nên đến năm 2012 khi thực hiện dự án tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa Ủy ban nhân dân huyện không bồi thường đất cho ông L là đúng quy định của Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban đã bác khiếu nại của ông L là đúng pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi, đại diện là ông Lê Đức Minh Viên trình bày:

Vào năm 2012, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi một phần của đất thửa đất số 01 và thửa đất số 771, tờ bản đồ số 11; thửa đất số 449, tờ bản đồ số 07 tại xã P, huyện Đ để thực hiện dự án tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoa. Quá trình thực hiện công tác bồi thường, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi không bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi mà ông L khiếu nại cho rằng là đất hồ nuôi tôm của ông, vì các thửa đất trên được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận là đất do xã quản lý, ông Hoàng Quốc L không có tên trong danh sách thu hồi đất do chủ đầu tư và Ủy ban nhân

dân xã P trình, khi thực hiện kiểm kê thực tế không có tài sản và cây cối trên phần đất bị thu hồi, nên Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi không có cơ sở đưa vào phương án bồi thường.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã P, đại diện là ông Võ Văn X trình bày: Thửa đất số 499, tờ bản đồ số 7, diện tích thu hồi 272,2m²; thửa đất số 01, tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 368m²; thửa đất số 771, tờ bản đồ số 11, diện tích thu hồi 341,2m² là đất mặt nước do Ủy ban nhân dân xã P quản lý sử dụng để tưới tiêu các thửa ruộng của người dân tại khu vực đó, Ủy ban nhân dân huyện không bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã vì đất này do Nhà nước giao cho xã quản lý.

Tại bản tự khai ngày 05/5/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thiều Quang H trình bày:

Ngày 22/02/1998 ông H có nhận chuyển nhượng một phần hồ của ông Hoàng Quốc L để cùng ông L, ông Võ T5 (*chồng bà Tô Thị T1*) và anh Hoàng Quốc H1 hùn vốn nuôi tôm tại thửa đất số 71A, tờ bản đồ số 04, diện tích 9.516m², sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng các ông cùng nhau cải tạo, sửa chữa hồ và tiến hành nuôi tôm theo hướng công nghiệp. Năm 2007, Ủy ban nhân dân xã P có thông báo ngừng sử dụng diện tích đất hồ nuôi tôm, vì lý do thời hạn sử dụng đất đã hết, trước yêu cầu của địa phương các ông đã dỡ dọn toàn bộ tài sản trên đất gồm máy móc, quạt sục khí, ống nước, chòi canh.... Quá trình sử dụng đất từ khi nhận chuyển nhượng hồ nuôi tôm đến thời điểm Ủy ban nhân dân xã P có thông báo thu hồi đất, các ông không đóng bất cứ khoản tiền nào cho Nhà nước như tiền thuê đất, tiền sử dụng đất. Ông H cho rằng tại thời điểm năm 2007, Ủy ban nhân dân xã P buộc các ông ngừng sử dụng đất với lý do hết hạn giao đất là trái với quy định của Luật Đất đai hiện hành, việc này đã gây thiệt hại cho ông nên ông cùng với ông L khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện Đ. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ số 836/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 đã căn cứ nhiều điều khoản luật không liên quan để áp dụng giải quyết bác khiếu nại của các ông, cho rằng các ông mua bán giấy tay, đất chưa được làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hết thời hạn sử dụng, nên không đủ điều kiện để bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Ông H thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc L, yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P kiểm kê, áp giá bồi thường giá trị đất khi nhà nước thu hồi thực hiện dự án “nắn dòng, lên đê, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị T1, ông Hoàng Quốc H1, ông Võ Văn T2, bà Võ Thị S, bà Võ Thị Thanh M, bà Võ Thị Thanh S1, ông Võ Văn T3, bà Võ Thị Thanh T4 trình bày: Các ông, bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc L là yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã P kiểm kê, áp giá bồi

thường giá trị đất khi nhà nước thu hồi để thực hiện dự án “nắn dòng, lên đê, chống sạt lở vùng hạ lưu Sông Thoá”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn L1 và ông Võ M1, ông Trần H2 trình bày: Vào năm 1992 ông Huỳnh Tấn L1 và ông Võ M1 có đơn xin cấp đất để đầu tư nuôi tôm và đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ. giao 9516m² đất loại đất sông thuộc tờ bản đồ số 04, xã P theo Quyết định số 188/QĐ-UB ngày 27/3/1992, thời hạn giao đất là 15 năm tính từ ngày ban hành quyết định, giao đất không thu tiền sử dụng đất. Sau khi được giao đất, ông L1 và ông M1 cùng với ông Hoàng Quốc L và ông Trần H2 hùn vốn để xây dựng hồ nuôi tôm. T4 suốt thời gian hùn vốn nuôi chung, các ông thuê nhân công đào hồ, lên bờ, đặt cống, thi công đường ống dẫn nước, hệ thống điện và các phương tiện khác phục vụ cho việc nuôi tôm. Đến năm 1994, do có địa điểm nuôi tôm ở nơi khác nên ông L1, ông M1 và ông H2 thống nhất sang nhượng lại phần vốn mà các ông đã hùn trước đây để đầu tư trên đất cho ông Hoàng Quốc L, ông L hoàn trả lại toàn bộ số vốn mà các ông L1, ông M1 và ông H2 đã góp để đầu tư xây dựng hồ nuôi tôm với số tiền 1.500.000 đồng, theo giấy chuyển nhượng lại hồ nuôi tôm ngày 02/11/1994. Ông L1 và ông M1 thống nhất với thời hạn giao đất được ghi trong Quyết định số 188/QĐ-UB ngày 27/3/1992 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 28/2017/HC-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 88, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 205 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Điểm a, b khoản 4 Điều 13, Điều 23, Điều 29 Luật đất đai năm 1987; Điều 67 Luật đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 33 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ; Điều 65, Điều 66, Điều 67 Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 836/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2017, ông Hoàng Quốc L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do như sau:

+ UBND xã P buộc ông ngừng sử dụng đất hồ tôm vì đã hết thời hạn sử dụng đất là chưa phù hợp.

+ Sau khi ngừng sử dụng thì gia đình ông tiếp tục quản lý và trồng cây bạch đàn và sử dụng mặt hồ nước để thả sen.

Cho nên, quyết định giải quyết khiếu nại số 836/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND huyện Đ cho rằng ông không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản khi thu hồi đất hồ tôm và không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông là không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Hoàng Quốc L không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng: Đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ngày 27/3/1992, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 188/QĐ-UB giao diện tích đất 9.516m², loại đất Sông, thuộc tờ bản đồ số 4, xã P, huyện Đ cho ông Huỳnh Tấn L1 và ông Võ M1 sử dụng vào mục đích làm hồ nuôi tôm. Thời hạn giao đất là 15 năm.

Việc giao đất của UBND huyện Đ cho ông Huỳnh Tấn L1 và ông Võ M1 nêu trên phù hợp với điểm a, b khoản 4 Điều 13 và khoản 3 Điều 29 Luật đất đai năm 1987.

[2] Sau khi được giao đất, ông Huỳnh Tấn L1 và ông Võ M1 cùng các ông Trần H2 và ông Hoàng Quốc L cùng nhau góp vốn xây dựng hồ tôm. Đến ngày 02/11/1994 ông Huỳnh Tấn L1, ông Võ M1 cùng ông Trần H2 chuyển nhượng hồ tôm cho ông Hoàng Quốc L quản lý, sử dụng. Việc chuyển nhượng hồ tôm của ông L1, ông M1, ông H2 cho ông L được L1 bằng giấy viết tay, không được chính quyền địa phương cho phép.

Thể hiện nội dung giấy chuyển nhượng ngày 02/11/1994 và lời khai của ông L cho thấy tại thời điểm chuyển nhượng, ông L đã nhận Quyết định số 188/QĐ-UB ngày 27/3/1992 từ ông M1 và ông L1 và ông L đã biết được nhà nước giao đất cho ông L1, ông M1 với thời hạn sử dụng là 15 năm.

[3] Ngày 13/3/2007 UBND xã P ban hành thông báo số 11/TB-UB yêu cầu giao trả lại diện tích đất 9.516m² cho nhà nước, với lý do đã hết thời hạn sử dụng đất được giao theo quyết định giao đất số 188/QĐ-UB ngày 27/3/1992 của UBND huyện Đ.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật đất đai năm 2003 thì thời hạn giao đất được tính từ ngày có quyết định giao đất: “*Thời hạn giao đất, cho thuê*

đất được tính từ ngày có quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trường hợp đất được Nhà nước giao, cho thuê trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì thời hạn giao đất, cho thuê đất được tính từ ngày 15 tháng 10 năm 1993”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ: “1...Trường hợp đất đã được giao, cho thuê trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 mà trong quyết định giao đất hoặc trong hợp đồng thuê đất không ghi rõ thời hạn giao, cho thuê thì thời hạn giao đất, cho thuê đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68, Điều 71, Điều 78, khoản 5 Điều 84, khoản 3 Điều 86, khoản 1 Điều 87 của Nghị định này và được tính từ ngày 15 tháng 10 năm 1993.” Như vậy, với các quy định trên thì thời hạn giao đất của quyết định số 188/QĐ-UB ngày 27/3/1992 của UBND huyện Đ là 15 năm và thời hạn giao đất được tính từ ngày 27/3/1992 cho đến ngày 27/3/2007 là hết thời hạn được giao sử dụng và ông L phải có nghĩa vụ trả trả lại đất cho nhà nước.

Trong trường hợp, ông Hoàng Quốc L có nhu cầu tiếp tục sử dụng diện tích đất trên thì ông L làm đơn yêu cầu theo quy định tại đoạn 3, khoản 1 Điều 67 luật đất đai và khoản 2, khoản 3 Điều 34 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ. “*Trước thời điểm kết thúc thời hạn sử dụng đất sáu (06) tháng, nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất thì người sử dụng đất làm đơn gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất để xem xét, giải quyết theo quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 67 của Luật Đất đai;*” nhưng ông L chẳng những không làm đơn yêu cầu mà còn tự tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất: Máy móc, thiết bị nuôi tôm, nhà canh giữ ...Đồng thời, theo xác định tại Biên bản họp dân về việc: “*Lấy ý kiến về thời gian sản xuất của ông Hoàng Quốc L*” ngày 11/10/2013 đã thể hiện từ năm 2005 ông L đã không sử dụng đất để nuôi trồng thủy sản tại diện tích hồ tôm: “*Ông Hoàng Quốc L có tham gia nuôi cá tại hồ tôm...đến đầu năm 2005. Từ năm 2005 ông bỏ hoang, không tiếp tục nuôi cá nữa và đến tháng 3/2007 UBND xã P thông báo hết thời gian sử dụng...*” (cuộc họp này có sự tham gia của ông L; ông L ký đã ký vào biên bản và không có ý kiến phản bác). Vì vậy, ngày 17/10/2012 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4721/QĐ-UBND thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư công trình tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa (theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi). Trong đó có thu hồi một phần diện tích đất theo quyết định số 188/QĐ-UB ngày 27/3/1992 của UBND huyện Đ là đúng quy định tại khoản 10 Điều 38 Luật đất đai năm 2003:

“*Nhà nước thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:*

1...

10. *Đất được nhà nước giao, cho thuê có thời hạn mà không được gia hạn khi hết thời hạn.*”.

Đồng thời, ông Hoàng Quốc L không được bồi thường về đất là đúng quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật đất đai năm 2003:

“**Điều 42.** *Bồi thường, tái định cư cho người có đất bị thu hồi*

1. Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất mà người bị thu hồi đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 của Luật này thì người bị thu hồi đất được bồi thường, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 và các điểm b, c, d, đ và g khoản 1 Điều 43 của Luật này.”.

[5] Kháng cáo của ông L còn cho rằng: Sau khi có thông báo của UBND xã P ngừng sử dụng thì gia đình ông L trồng bạch đàn, thả sen trên hồ tôm. Tuy nhiên, tại “*bản tự kê khai đất đai và tài sản thiệt hại trong phạm vi đất thu hồi...*” của ông Hoàng Quốc L thì ông L chỉ kê khai về đất, không có kê khai về cây cối, tài sản trên đất bị thu hồi và tại “*biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất ...*” ngày 28/3/2012 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi (ông Hoàng Quốc L tham gia và ký vào biên bản) cũng không có các tài sản: cây keo, sen... như ông L khai nại. Mặt khác, theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2017 thể hiện trên diện tích đất bị thu hồi không có cây cối tài sản (*chỉ có cây keo ... trên phần không bị thu hồi*). Do đó, việc ông L cho rằng trên phần đất bị thu hồi có các tài sản: Bạch đàn và sen...là không đúng, không có cơ sở để chấp nhận và Quyết định giải quyết khiếu nại số 836/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của Chủ tịch UBND huyện Đ không chấp nhận khiếu nại của ông L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông L không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[7] Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, về chi phí thẩm định không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1/ Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Quốc L.

2/ Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 28/2017/HC-ST ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, về việc “*Yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Đ*”; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Hoàng Quốc L.
- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

3/ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Hoàng Quốc L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh